

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2023/DS-ST**

Ngày: 11-4-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức
2. Ông Ngô Văn Tuôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 311/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, đường L, Phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam Bến Tre. Địa chỉ chi nhánh: Khu phố 2, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn Đ; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam Bến Tre (Theo quyết định ủy quyền số 389/QĐ-NHNo-PC ngày 23/03/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng N).

Ông Đ ủy quyền cho bà Lê Thị Kiều O, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp T1, xã T2, huyện M2, tỉnh Bến Tre – Là Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam Bến Tre tham gia tố tụng (Giấy uỷ quyền số 04/NHNo.MCN-TH ngày 05/01/2023). (*Xin vắng mặt*).

2/ Bị đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ1, huyện M1, tỉnh Bến Tre. (*Vắng mặt*)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Thành D, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ1, huyện M1, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai trong quá trình tố tụng của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Kiều O trình bày:

Ngày 25/12/2018 Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam Bến Tre (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho bà Huỳnh Thị L vay số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2018.07.11.0207/HĐTD (7103-LAV-201805255) và Giấy nhận nợ ngày 03/01/2019. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 25/12/2018 đến ngày 25/12/2021. Mục đích vay: chăn nuôi. Kỳ hạn trả nợ gốc gồm 03 kỳ: ngày 27/12/2019 trả 20.000.000 đồng, ngày 27/12/2020 trả 30.000.000 đồng, ngày 27/12/2021 trả 150.000.000 đồng. Lãi suất tiền vay trong hạn là 10%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất nợ quá hạn là 150% với lãi suất vay đã thoả thuận. Sau khi ký hợp đồng tín dụng ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng ngày 25/12/2018 và giấy nhận nợ ngày 03/01/2019 mà hai bên đã ký kết.

Để đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng và bà L đã ký kết hợp đồng thế chấp số 2018.07.11.0207/HĐTC ngày 25/12/2018 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và đã đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 25/12/2018 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Theo đó, tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.774,4 m², tọa lạc tại ấp An Nhơn 2, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 145714, sổ vào sổ cấp GCN CS06200 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Huỳnh Thị L vào ngày 30/11/2018.

Đến hạn trả nợ vào ngày 27/12/2021 số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi nhưng bà L không trả được. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán nợ, bà L cam kết trả nợ nhưng không thực hiện.

Do bà L đã vi phạm nghĩa vụ theo thoả thuận nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 11/4/2023 là 189.112.603 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 39.112.603 đồng và tiền lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 12/4/2023 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Nếu bà Huỳnh Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 2018.07.11.0207/HĐTC giữa Ngân hàng với bà Huỳnh Thị L đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 3.774,4 m², thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp An Nhơn 2, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn bà Huỳnh Thị L vắng mặt tại phiên toà nhưng có lời trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như sau:

Bà thừa nhận bà có ký kết hợp đồng tín dụng số 2018.07.11.0207/HĐTD (7103-LAV-201805255) ngày 25/12/2018, giấy nhận nợ ngày 03/01/2019, hợp đồng thế chấp số 2018.07.11.0207/HĐTC ngày 25/12/2018 đối với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.774,4 m², tọa lạc tại ấp An Nhơn 2, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam Bến Tre. Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh như Ngân hàng yêu cầu. Bà đồng ý trả tiền gốc lãi cho Ngân hàng nhưng bà xin trả dần, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, bà không đồng ý xử lý tài sản thế chấp. Trên thửa đất thế chấp có các tài sản như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/3/2023 của Tòa án. Đây là tài sản của con trai bà là Phan Thành D xây dựng sau khi bà thế chấp đất cho Ngân hàng. Bà không có ý kiến gì về các tài sản này, do Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thành D trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như sau:

Các công trình trên thửa đất số 113, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.774,4 m², tọa lạc tại ấp An Nhơn 2, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/3/2023 của Tòa án là của ông xây dựng sau khi bà L vay Ngân hàng. Ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng:

Người tiến hành tố tụng đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 320, 321, 322, 323, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 11/4/2023 là 189.112.603 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 39.112.603 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 12/4/2023 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà Huỳnh Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 2018.07.11.0207/HĐTC giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre với bà Huỳnh Thị L đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 3.774,4m², thuộc thửa 113, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp An Nhơn 2, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Huỳnh Thị L có nơi cư trú tại ấp An Nhơn 1, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà Huỳnh Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thành D đã được Tòa án triệu tập hợp lần đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông D.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 11/4/2023 với tổng số tiền là 189.112.603 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/4/2023 đến khi hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng tín dụng số 2018.07.11.0207/HĐTD (7103-LAV-201805255) ngày 25/12/2018 được ký kết giữa Ngân hàng và bà Huỳnh Thị L là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý, ràng buộc trách nhiệm giữa các bên. Ngân hàng xác định sau khi được giải ngân tiền vay, đến kỳ trả nợ vào ngày 27/12/2021 bà L không trả tiền theo thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán nợ nhưng không được nên Ngân hàng khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, bà L đều thừa nhận các nội dung như phía nguyên đơn trình bày, bà L cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng, do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của bà L về việc xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, Hội đồng xét xử nhận định: Giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về việc nguyên đơn cho bị đơn trả dần số tiền nợ. Quá trình giải quyết vụ án, nếu các bên đương sự thỏa thuận được phương án trả dần thì Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần. Ngoài ra, cách thức trả nợ một lần hay nhiều lần thuộc giai đoạn thi hành án nên yêu cầu này của bà L không có cơ sở xem xét.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2018.07.11.0207/HĐTC ngày 25/12/2018 ký kết giữa Ngân hàng và bà Huỳnh Thị L được chứng thực tại Ủy

ban nhân dân xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý, ràng buộc trách nhiệm giữa các bên. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/3/2023 của Tòa án ghi nhận trên thửa đất số 113, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp An Nhơn 2, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có công trình kiến trúc do ông Phan Thành D xây dựng: 01 căn phòng xây gạch chưa tô, nền xi măng, lợp tạm bằng tole, không xây trần khoảng 12 m²; 01 mái che bằng gỗ, lợp lá, nền xi măng, khoảng 9 m²; 01 nền xi măng quay lưới B40 khoảng 2 m². Bà L và ông D đều trình bày các công trình kiến trúc trên được xây dựng sau khi bà L vay ngân hàng và không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Căn cứ Khoản 1.2 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp nêu trên quy định về Tài sản thế chấp có nội dung “Hai bên thỏa thuận tất cả các tài sản gắn liền với thửa đất thế chấp nêu tại Khoản 1.1 Điều 1 hợp đồng này được hình thành sau thời điểm thế chấp (nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, tường rào, chuồng trại, vườn cây, rừng trồng ...) cũng thuộc tài sản thế chấp được dùng để bảo đảm tiền vay. Khi xử lý quyền sử dụng đất để thu hồi nợ, Bên nhận thế chấp được quyền xử lý, bán, phát mại tất cả các tài sản này, giá trị thu được từ việc bán, phát mại tất cả các tài sản này cũng thuộc tài sản thế chấp, Bên nhận thế chấp được quyền thu giữ để thu hồi nợ đối với nghĩa vụ được bảo đảm”; Và tại mục 5.11 Khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp nêu trên quy định về xử lý tài sản thế chấp cũng nêu rõ: Bên A (tức Ngân hàng) được xử lý tài sản thế chấp trong các trường hợp: Đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên B (tức bà L) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ ... Như vậy, trong trường hợp bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 113, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp An Nhơn 2, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Phan Thành D được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên khi cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (nếu có nhu cầu).

[7] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà L có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật nhưng bà L thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 320, 321, 322, 323, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 11/4/2023 là 189.112.603 (một trăm tám mươi chín triệu một trăm mười hai nghìn sáu trăm lẻ ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi là 39.112.603 (ba mươi chín triệu một trăm mười hai nghìn sáu trăm lẻ ba) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (12/4/2023) cho đến khi thi hành án xong, bà Huỳnh Thị L còn có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2018.07.11.0207/HĐTD (7103-LAV-201805255) ngày 25/12/2018.

Trường hợp bà Huỳnh Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 2018.07.11.0207/HĐTC giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre với bà Huỳnh Thị L đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 113, tờ bản đồ số 14, có diện tích 3.774,4 m², tọa lạc tại ấp An Nhơn 2, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 145714, sổ vào sổ cấp GCN: CS06200 ngày 30/11/2018 cho bà Huỳnh Thị L.

Ông Phan Thành D được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp An Nhơn 2, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre khi cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (nếu có nhu cầu).

2. Về án phí:

Bị đơn bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ chịu là 9.456.000 (chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn) đồng nhưng được miễn nộp toàn bộ.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.442.000 (bốn triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001065 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(3b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre ^(1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam ^(1b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam ^(1b);
- Lưu HS, VP ^(3b) TC: 10b

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân